Lại có ông tướng Xuân La[1]
Ba mươi, mùng một mang ra tế cờ.
Bước lên một trạng thủ quỳ
Ông Đinh nhận chén quân thì phục trang.
Các quan[2] ngồi mới luận bàn
Như chim lạc tướng khôn ngoan nỗi gì?
Bẩm cô, cô phải chẩy đi
Có thầy quản Cẩm ở thì hầu cô.
Cô phó[3] nghe nói cũng lo.
Có một xúc nhiễu xé cho quân rầy
May quần may áo bằng nay
Cất quân ta chẩy ra rầy Phú Xuyên
Đi đâu tống gạo, tống tiền
Ra quân rằng đóng cho nghiêm trong làng.

Bài vè này do bà cụ Hiệt, 80 tuổi (1964) ở ấp Cầu Go, xã Tượng Lĩnh đọc cho chúng tôi ghi lại.

(1) Xuân La, Chẳng Cò thuộc huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông.
(2) Các quan ở đây là các cấp tướng của nghĩa quân
(3)) Vợ của Đề Yêm.

Bà cụ kể rằng, hồi cụ lên 6, 7 tuổi có ông cò Thanh, quê ở Bằng Vôi, gần huyện lỵ Thường Tín, tỉnh Hà Đông dạy cho thuộc bài vè. Ông cò Thanh hồi ở Trại Dộc, thuộc thôn Thụy Sơn, xã Tân Sơn, cùng huyện làm nghề nấu rượu. Ông Thanh bắt học thuộc, đọc đi đọc lại nhiều lần cho ông ấy nghe. Tôi đã tìm hỏi các con đời chồng sau của bà Đề Yêm là ông Vũ Văn Huệ và bà Vũ Thị Cúc, tức bà Trương Lác ở thôn Nhị Giáp, xã Duy Hải, huyện Duy Tiên thì cả hai vị đều nói bài vè còn một đoạn cuối nữa nói về việc bà Đề Yêm và các quân lính bị giặc Pháp đuổi đánh, bắt được rồi đưa về giam ở Hà Nội. Hồi xưa, bà Đề Yêm vẫn đọc cho các con nghe, nhưng bây giờ các con không ai còn nhớ.

Theo tôi, tác giả bài vè này quê ở một làng phía Bắc thôn Đồng Lạc hoặc ở phía đầu huyện Kim Bảng hay ở một làng nào đó thuộc một trong các huyện Mỹ Đức, Ứng Hòa, Phú Xuyên. Vì vậy, trong bài vè có câu: "ở dưới Đồng Lạc khi nay".

Tác giả bài vè có tài sáng tác một lối thơ dân gian, tức là vè, nhưng tác giả là người ít học nên lời

thơ rất nôm na, quê mùa như: *Khi này, ngày rầy, bắt ngày... Nhiều câu thơ bị mất vần, lủng củng, tối nghĩa.*

Đọc kỹ bài vè ta cảm thấy tác giả đã chú ý đề cao vai trò của thủ lĩnh Đề Yêm và nghĩa quân.

Tây lên đánh trận ghê thay
Ta đánh trận này Tây cũng phải thua.

Người viết sử dụng bút pháp: đưa lên cao rồi mới giật xuống như câu thơ vừa dẫn ở trên. Tây nó đàn áp, chống lại nghĩa quân rất khốc liệt *đánh trận ghê thay*. Vậy mà rốt cục chúng đành phải thua trước mưu trí và sức mạnh của nghĩa quận.

Tác giả còn có một câu thơ đánh giá rất khéo chiến công của nghĩa quân: *Lính tập đã tài lại chết một đôi.*

Muốn bài vè được lưu truyền sâu rộng từ đời này sang đời khác che mắt được đế quốc thực dân có bọn vua quan làm tôi tớ nên tác giả buộc phải dùng một số từ ngữ đề cao chúng như:

- *Chết ông quan một, quan hai...*
- *Thoạt bắn chết ông quan ba...*
- *Ông phủ sợ hãi v.v...*

Nhưng ở nhiều chỗ khác, người viết đã thẳng tay gọi thực dân Pháp bằng "nó": *"Tây thì nó vây bốn bên"*.

Có lúc tác giả hạ thấp vai trò Đề Yêm, gọi ông là *"tướng cướp"*: *"Làm nên tướng cướp"* và gọi nghĩa quân là *"cướp"*: *"Cướp đâu lại chẩy bắt ngày"*

Tự bản thân câu thơ này đã nói lên cái mâu thuẫn của người viết muốn thể hiện điều mình cần nói. Cướp không bao giờ dám hành động ban ngày, chỉ có nghĩa quân mới chẩy ban ngày. Chẳng qua là bọn đế quốc, phong kiến căm tức nghĩa quân nên mới gọi là "giặc".

Về phần thời gian xảy ra các sự kiện của nghĩa quân Đề Yêm, người viết không chú ý và thiếu thận trọng khi diễn đạt:

Bài vè nói: " *Đi thì đã bảy năm vừa*". Không đúng, vì theo sự điều tra, nghiên cứu của chúng tôi, Đề Yêm kể cả năm đi và năm về, thời gian hoạt động là 3 năm. Nếu Đề Yêm đi 7 năm thì lúc đó là năm 1882 thực dân Pháp chưa đặt quyền đô hộ ở Bắc Kỳ, thuế má vẫn phải nộp cho vua quan nhà Nguyễn. Đề Yêm hồi ấy chưa có việc gì để căm tức Tây được.

Nghiện cứu bài vè, tôi cảm thấy tác giả là người ngoài cuộc, cho nên có chỗ lúng túng khi diễn tả chiến sự. Nghĩa quân vừa mới đánh nhau mà đã "*Đến tối rút ra cho mau*" và "*Ba mươi, mùng một đem ra tế cờ*".

Tuy nhiên bài vè này vẫn có giá trị hiện thực lịch sử, phản ánh được đôi nét về thủ lĩnh Đề Yêm và nghĩa quân do ông chỉ huy trong cuộc chiến đấu quyết liệt chống thực dân Pháp tại tỉnh Hà Nam và ở một số địa phương khác thuộc tỉnh Hà Đông từ năm 1889 đến năm 1891.

BÀI CA TUYẾT SƠN

(Sưu tầm tại làng Hội xá, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà đông)

Ai ơi trẻ mãi ru mà
Ngẫm năm chùa Tuyết "giặc" ra trị bình
Lý Đề Đồng Lạc đốc binh
Bốn ông hiệp quản đóng dinh bốn đầu.
Năm canh trống đánh điểm dồn
Phú Yên nôn nức vợ con đem vào.
Nhân tình ai chẳng vọng cao
Hội Xá: cai Để, đội Giao, cai Liền[1]
Cơ trời, vận nước chưa yên
"Giặc" ở Bãi Sậy được tin kéo về
Thịnh Ba thua bạc e chề[2]
Bỏ làng xuống ở chăn dê quận Hồng[3]
Trời ơi thương kẻ anh hùng
Cai Để dắt mẹ đi cùng quan tân[4]
Ô hay con tạo xoay vần

---

[1],[2] Cai Để, cai Liền, Thịnh Ba và Đội Giao (bố cử nhân Nguyễn Mạnh Hướng) đều là người làng Hội Xá.

[3] Chưa biết Quận Hồng là ai và ở làng nào?

[4] Quan Tân: Một cách gọi những người có địa vị cao thời phong kiến, đế quốc. Quan lại Nam Triều đều là quan, thực dân, đế quốc cũng là quan. Giặc tự xưng là quan, cướp cũng tự xưng với khổ chủ là quan. Quan tân (quan mới) có ý nghĩa tôn trọng. "Quan tân" ở đây để chỉ nghĩa quân Tuyết Sơn.

đốc, người làng Đồng Lạc, tên là Lý (Đinh Quang Lý), tên chính của Đề Yêm và có 4 hiệp quản đóng giữ 4 đồn trong căn cứ địa Tuyết Sơn. Phần mở đầu bài thơ đã nói lên sự nghiệp to tát của Tuyết Sơn: "*Giặc" ra tri bình*" và đặt hy vọng: "*Nhân tình ai chẳng vọng cao*".

Tác giả còn nêu được nghĩa quân ở Bãi Sậy kéo sang, nhân dân làng Phú Yên phấn khởi tham gia hàng ngũ nghĩa quân, kéo cả vợ con vào căn cứ Tuyết Sơn và kể rõ những trận đánh làm cho Tây thua đau đớn: "*Đạn yêu quan một nằm queo giữa đồng*".

Tuy nhiên, tác giả còn phiến diện, thấy sao nói vậy như chê nghĩa quân kéo về Hội Xá đốt nhà, cướp của, chém người mà không biết cánh anh em tổng Mỹ là tay sai của thực dân, phong kiến nên nghĩa quân mới trừng trị. Tác giả còn chê nghĩa quân của Đề Yêm có cả người cờ bạc như Thịnh Ba, trước đi chăn dê cho là hèn hạ và có người hút thuốc phiện. Người viết thiên về nêu các thiếu sót (sở đoản) mà không nói đến các ưu điểm, khả năng (sở trường) của họ là nhiệt tình yêu nước, căm thù giặc cao độ, bất khuất, đứng lên theo Đề Yêm tiêu diệt giặc Pháp.

TÀI LIỆU

"LÍNH KHỐ XANH ĐÔNG DƯƠNG" CỦA E.DAUFES

Tài liệu này trích trong cuốn: La garde Indigène del'Indochine de sa création à nos jours tome premier" của E. Dau*f*es, hiện lưu giữ tại Thư viện quốc gia, Hà Nội, ký hiệu M7942.

Nguyên văn tiếng Pháp như sau:

1890

Province de Hà Nội

17. September. Le garde principal Audibert est blessé à l'avant – bras droíen? attaquant une bande retranchesc dans une pagode de Mã Não.

Une recornaissance de 20 fusils envoye's parleposte militaire de Phulý le rejoint. La position occpe'e par la bande est forte et I' at taque est remise au I'endenaun pour at tendre iarrivese de renforts qui ont e'te' damande's d' urgence. Dans la nuit les pirates disparaissent.

14. Octobre: - Le chef du đạo de Mỹ Đức M. Trimoulet recomait à la pagode de Thuyết Sơn, dans les montages de Khả Phong, I'installation

d'un fort parti de rebelles. Il attaque la position qui est parfaitement retranche'eet doit se retirer après avoir vu le Garde principal Lemaigre mortellement touche', un milicien tue' est 4 autres blesse's.

A la suite de cette affaire, une colonne de 145 fusils, don't 45 de Inbanterie de marine, partie de Ninh Bình sous les ordres du commandant Michaus – Larrvière exécute', le 25 Octobre, une reconnaissance offensive de la position pendant que 150 gardes civils agissent sur les flancs de la bande. Dans la nuit du 28 du 29 Octobre, un détachement parvient af dominer un col donnat accès à la position. Les rebelles ne cèdent qu'a la pointe du jon laissant. 17 cadaves sur le terrain, 3 Winchester et un petit canon. Le 30 Octobre des renforts arrivent de Hà Nội qui permettent d'occuper la position elle – mêche.

Dịch nghĩa:

1890

Tỉnh Hà Nội

Ngày 17/9, giám binh Ở- đi-be (Audibert) bị thương ở cánh tay phải khi đánh nhau với một

toán giặc đã rút vào một ngôi chùa làng Mã Não. Một tốp lính tuần tra có 20 tay súng của đồn binh Phủ Lý được phái lên bám sát ông giám binh. Vị trí của giặc đóng thì vững chắc, việc chiến đấu phải hoãn lại hôm sau để chờ quân tiếp viện đã đề nghị khẩn cấp. Đêm ấy giặc rút mất.

Ngày 14-10, quản đạo Mỹ Đức là Tơ-ri-mulê (M.Trimoulet) được tin ở chùa Tuyết Sơn, trong núi Khả Phong có một đảng phiến loạn mạnh đóng. Ông công kích vị trí mà quân giặc phải thu hẹp lại và ông phải tháo lui sau khi giám binh Lơ-me-gờ-rô (Lemaigre) bị tử thương, một lính tập chết và 4 lính khác bị thương.

Sau vụ này, một cánh quân có 145 tay súng, trong đó có 45 lính thủy đi từ Ninh Bình, do quan tư Mi-sô La-ri-vi-e-rơ (Michaux La rrivière) chỉ huy. Ông thi hành lệnh trên, ngày 25-10, một toán lính tuần tra tiến công vào vị trí, trong khi đó 150 lính bảo vệ chuyển đánh vào sườn toán giặc. Trong đêm 28 rạng ngày 29-10, một cánh quân biệt động vượt một cái quèn cao, cửa vào vị trí. Bọn phiến loạn chỉ nhượng bộ vào lúc gần sáng để lại

17 xác chết trên ruộng, 2 súng Winchester và một súng thần công nhỏ.

Ngày 31-10, quân tiếp viện của Hà Nội tới, chúng ta mới chiếm được vị trí này.

Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy thời gian ghi ở trong tài liệu chưa đúng: sau trận Mã Não, nghĩa quân vào Tuyết Sơn xây đồn đắp lũy, lập doanh trại, lấy người nghĩa dũng, lấy lương thực (trưng dụng thuyền muối, lấy trâu bò ở 2 phiên chợ Đại, đúc súng thần công...). Bọn thực dân Pháp chiếm căn cứ nghĩa quân mấy lần mà không được nên chúng phải lập đồn án ngữ ở chùa Hỏa Quang (làng Phú Yên). Lính tập ở đồn này có những tên đã lân la lấy vợ địa phương. Tài liệu đã ghi nhầm địa danh Tuyết Sơn không phải ở trong núi Khả Phong mà là ở phía trên dãy núi Khả Phong.

Tài liệu kể trên nêu rõ từ ngày 17-9 đến đêm 28 rạng 29-10-1890, giặc nhường lại vị trí Tuyết Sơn. Như vậy, tính ra có 1 tháng 12 ngày. Với thời gian ngắn như thế thì nghĩa quân không thể nào làm được những sự việc như chúng tôi đã nêu. Một điểm nữa là cuốn: *"Lính khố xanh Đông Dương"*

này do E. Daufès viết, xuất bản năm 1933, cách thời gian xảy ra sự việc 44 năm. Theo lời nói đầu, tác giả căn cứ vào các thông tư, chỉ thị của các cấp thống trị Pháp và các báo cáo của các quan binh để lại... Thực thế là thực dân Pháp nói chung ghi chép rất ít về những sự việc, hành động của những người chống đối chúng; nhiều khi chúng còn nhiều thiếu sót, sai lầm. Dầu sao thì đoạn tài liệu này cũng chứng minh rằng nghĩa quân Tuyết Sơn vào năm 1890 là một lực lượng mạnh, khiến cho quân giặc phải gờm.

TÀI LIỆU ĐỊA CHÍ TỈNH PHỦ LÝ

Tài liệu này trích ở tập Monographiede· la province de Phủ Lý. Nguyên văn như sau:

...En 1890, la colonne du commandant Michaux Larivière séjourne dans la région de Kim Phong où elle opère sous la protection de la canonnière "Avalache" pour de' barrasser la ré gion des pirates qui s'y étaient re' fugie's...

Dịch nghĩa:

"Năm 1890: Cánh quân của quan tư Mi-sô La-ri-vi-e-rơ (Michaux Larrivière) đóng ở vùng Kim Phong (có lẽ là Kim Bảng, Khả Phong) *và đi càn để giải phóng vùng này mà giặc ẩn nấp, có pháo thuyền "Avalache" yểm hộ....".*

CHUYỆN VỀ MỘT SỐ TƯỚNG CỦA NGHĨA QUÂN

HIỆP CƯỜNG

Ông Nguyễn Văn Dần, 50 tuổi (1964) ở thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa cho biết: ông nội ông là Hiệp Cường, còn gọi là Lãnh Cường hay Tuần Cường có nước da trắng, tóc dài, đứng trên ghế tóc còn ở dưới đất to như cái rế. Vóc người dong dỏng cao, giỏi võ thuật. Đi đâu hay cầm con dao mười. Có hai người hậu vệ là ông từ Thúc, tức Nguyễn Văn Triệu và ông xã Dã đi theo và luôn luôn có 3 con chó săn không rời Hiệp Cường nửa bước. Tính tình Hiệp Cường hào hiệp, luôn giúp đỡ bênh vực những người bị hà hiếp. Ông thường búi tóc, dắt lược ngà. Ngang mình thắt dây lưng điều, còn quần áo mặc như thường dân. Lúc đầu, ông được Đề Yêm giao cho việc đến Tuyết Sơn xem xét địa thế để lập căn cứ địa, sau phụ trách đồn điền tiêu chợ Dầu, quân có độ 30 người. Khi

cần chỉ đánh 3 hồi mõ, tức khắc dân làng Hữu Vĩnh xuống khắp mặt. Hiệp Cường lúc thì ở Tuyết Sơn, lúc thì ở chợ Dầu, lúc ở hang núi (hang này nằm ở thẳng thôn Phú Dư trông sang núi Quang Thừa, chỗ mô chùa Bèo). Hiện nay, hang ấy còn có tên gọi là hang ông Tuần. Việc canh gác ở chợ Dầu bằng cách mắc võng trên cây đa, người ngồi canh vừa trông được xa, vừa không bị lộ.

Khi nghĩa quân Tuyết Sơn giải tán, Hiệp Cường về ở làng. Ông có 3 anh em ruột. Sau đó có những người theo đến làng Phú Dư và đổi theo họ của Hiệp Cường. Vì vậy, hiện nay (1964) 33 hộ trong thôn này đều mang họ Nguyễn.

ĐỘI KÌNH

Đội Kình quê ở làng Khả Phong, huyện Kim Bảng, trước khi theo Đề Yêm có làm lý trưởng. Ông giỏi võ và khỏe. Một lần chánh tổng bắt phu phen và tre pheo, các lý trưởng phải đem tiền thế vào. Đội Kình cũng phải nộp. Ông cho người nhà gánh mỗi bên 5 quan tiền kẽm và dặn rằng: "Hễ tao đưa mắt là mày cứ gánh ra".

Chánh tổng nằm trên sập ở đình làng Mã Não, ngoảnh mặt ra trông thấy thầy trò đội Kình đến đem ít tiền liền giở mình, nằm ngoảnh mặt vào. Bước vào đình, Đội Kình cất tiếng chào. Hắn không trả lời. Ông liền hất hàm, anh người nhà gánh tiền bước ra. Ông chào lần nữa mà nó vẫn không thèm đáp. Bực quá, Đội Kình liền nhảy lên sập, co chân đạp một cái, chánh tổng ngã lăn queo xuống đất. Ông bồi thêm cho hắn mấy quả tống. Thế là ông bỏ về nhà, không làm lý trưởng nữa. Vừa hay lúc đó, Tôn Thất Thuyết từ Huế ra chiêu

mộ nhân tài Cần Vương chống Pháp, ông liền đi ngay và được cất nhắc lên chức đội.

Sau khi Tôn Thất Thuyết chạy sang Trung Quốc, Đội Kình về quê nhập nghĩa quân Tuyết Sơn. Khi nghĩa quân tan, ông cùng với các ông phó Thủ, thừa Mục trở về làng, quần áo rách tươm, trên cổ áo chỉ còn độc cái lá sen. Từ đó, ông ở hẳn làng Khả Phong làm ăn.

SƯ NHÂN

Sư Nhân người làng Nguyễn, huyện Duy Tiên di cư vào Khả Phong, đi tu từ thuở nhỏ, theo sư cụ Quyến trụ trì chùa Hương Tích. Sư cụ Quyến có nhiều đồ đệ mà sư Nhân đứng đầu trong đám đó.

Lúc còn trẻ, sư Nhân đẹp trai, họa đàn rất giỏi, nhất là lúc chạy đàn đám chay và dâng lục cúng. Các động tác cúng Phật của ông rất khéo léo. Giọng ông đọc kinh nghe rất hay. Ông còn giỏi võ nữa. Ông cùng sư Đôn, người làng Phù Thụy, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng (cũng tu ở chùa Hương Tích) tham gia nghĩa quân Tuyết Sơn.

Trong bọn sơn môn của cụ sư Quyến có người muốn tranh kế thừa trụ trì chùa Hương (lúc ấy khách thập phương các nơi về lễ bái ở chùa này đông lắm) nên đi báo ngầm với Tây cho lính tráng về bắt sư Nhân, sư Đôn về Sở "Săng tan" (Surete' Centrale), tức Sở mật thám trung ương của Pháp tra tấn. Cuối cùng cả hai ông được chúng tha về, nhưng bị hồi dân quản thúc, hàng tháng phải lên

huyện trình diện một lần. Sư Nhân bị mất chân ăn trưởng chùa Hương.

Sau sư Nhân về tu ở chùa làng, cuối đời tu ở chùa Nguyễn Xá, huyện Ứng Hòa (Hà Đông), mới chết năm 1960, thọ 92 tuổi. Còn sư Đôn từ ấy trở về làng Phù Thụy lấy vợ và không đi tu nữa.

SƯ CHÙA ĐẺ

Cụ từ Khương ở làng Hữu Vĩnh, huyện Mỹ Đức kể:

Sau vụ Tuyết Sơn chừng 15 năm, một tốp người làng tôi chừng hơn chục tay lái sang gặt ở Hưng Yên. Đến một nơi có người đón vào gặt ở nhà chùa, tục danh là chùa Đẻ (chưa tra cứu được đó là chùa nào, ở đâu?). Sư cụ hỏi: "Các ông ở về đâu ta?". Cánh thợ gặt nói quê quán, sư cụ gật gù: "Hữu Vĩnh tôi biết".

Khi gặt cho nhà chùa xong, bọn này đi gặt nơi khác. Đến lúc về, nhân trời tối nên tạt vào chùa để ngủ trọ một đêm. Nhà chùa có đãi một bữa cơm và sư cụ đến cùng ngồi nói chuyện. Lân la có người nói đến việc tu hành và hỏi sư cụ đi tu từ bao giờ. Sư cụ cho biết là đi tu bán thế, nghĩa là đã ngoài 30 tuổi mới ở chùa. Vui miệng, sư cụ kể: "Năm ngoái mẹ cháu lên, tôi đưa cho 200 bạc về cưới vợ cho thằng lớn".

Mọi người cười vang: "Sư cụ có vợ con rồi, sao còn đi ở chùa?".

- Ấy, câu chuyện đi tu của tôi xuất phát từ vùng các ông đấy!

- Vùng chúng tôi à?

- Vâng, các ông còn nhớ vụ Tuyết Sơn chứ?

- Có nhớ.

- Cái năm ấy, tôi quê ở miền bể Nam Định vốn liếng nhà cũng có một ít. Còn hàng phải lấy chịu của bà con hàng xóm. Ngược một chuyến lên bán ở vùng các ông.

- Hàng gì hở cụ?

- Muối mà. Sau khi bán ở chợ Quế, chợ Gốm, thuyền tôi thẳng đường lên chợ Đình. Đến Phú Yên có lệnh của các vị ở Tuyết Sơn đòi vào và trưng thu tất cả. Tôi được các vị ấy nói cho biết đây là việc lớn: đánh Tây cứu nước. Tôi nghĩ: như vậy cũng hay, vả lại hàng hóa đã bị trưng thu rồi. Của mình thì thôi mất cũng đành, nhưng của bà con hàng xóm thì ăn nói với người ta ra sao? Âu đành theo nghĩa quân quách đi.

Khi Tuyết Sơn kết thúc, tôi lần mò sang đến đây. Nhân có biết chút ít chữ Nho nên tôi cạo đầu xin tu ở chùa cho đến ngày nay.

HOÀNG CÔNG CHÍN

Đồng chí Sắt, Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp làng Phú Duy, xã An Tiến, huyện Mỹ Đức (1964) kể chuyện:

Làng Phú Duy trước có 2 anh em Hoàng Công Chín, Hoàng Công Mười giỏi võ và đều gia nhập nghĩa quân Tuyết Sơn.

Ông Hoàng Công Chín có nước da ngăm đen. Quanh vùng, những người có máu mặt đều nhờ cậy ông trông nom cho. Có một lần một bà nhà giàu ở thôn trên bị kẻ cướp cũng ở cách đó mấy làng bắn tin sẽ đến cướp. Bà ta tin nhờ ông che chở. Ông bảo: "Bà cứ về đi, lúc nào nó đến, bà cho người tìm tôi, còn mặc kệ nó muốn lấy gì thì lấy".

Ít lâu sau, quả nhiên tên ấy dẫn người đến cướp thật.

Được tin, ông liền đi một mình và cầm con dao mười, đứng ở cổng. Quân cướp khiêng ra nào tiền, nào của, nồi đồng, mâm, thau, trâu, lợn, quần áo v.v... Ông cứ để mặc cho chúng đi. Đến lúc

lại rồi buộc vào một cái thang. Người khiêng phải đi dép gỗ (có lẽ là đôi guốc mộc, quai mây ngày xưa vẫn dùng) khiêng đến vườn nhà kẻ xấu, lúc đó có một bụi mái (cùng họ với cây mây) gai góc, xanh tốt và um tùm lắm. Rồi người ta mới lấy hai cây tre dài luồn vào bụi mái. Nhiều người nâng hai đầu tre lên, rồi khiêng thang có ông Chín đi vào lăn để ở trong. Đoạn, rút thang và tre ra.

Chờ mãi mà không có động tĩnh, bọn quan quân sục vào làng, tìm tòi khắp nơi không thấy. Chúng dùng 5 con ngựa cưỡi vào làng từ sáng đến chiều để sục sạo mà chả thấy tăm tích gì. Chúng tra hỏi hết người này đến người khác. Chỗ bụi mái chúng cũng đâm vào tìm, nhưng không thấy có kết quả. Gần tối chúng mới rút đi.

Sau dân làng phải phát hết bụi mái mới đem ông Chín ra được. Có người kể là quan quân nó đâm vào, ông lấy tay vuốt lưỡi dao cho khỏi dính máu. Chúng tôi nghi ngờ, cho rằng chi tiết này không hiện thực, chắc là tô vẽ thêm mà thôi.

Câu chuyện trên đây chứng tỏ nhân dân ta nói chung và nhân dân các vùng mà nghĩa quân Đề Yêm hoạt động nói riêng đều rất quý trọng và tìm cách bảo vệ những người yêu nước chống Pháp.

DANH SÁCH MỘT SỐ NGƯỜI THAM GIA NGHĨA QUÂN TUYẾT SƠN

Đến nay, chúng tôi mới sưu tầm được tên tuổi của một số người tham gia nghĩa quân Tuyết Sơn ở hai tỉnh Hà Nam và Hà Đông như sau:

TỈNH HÀ NAM

1. Huyện Kim Bảng

-Xã Tân Sơn:

. Làng Vĩnh Sơn, tức Vãng Sơn (tên cũ) có Lãnh Đình, Nguyễn Văn Quang.

. Làng Thụy Sơn (làng Dộc) có Tác Vi, Tác Hoắm, Đốc Nghễ đều là họ Phan.

- Xã Khả Phong:

. Làng Khả Phong có Đội Kình, Sư Nhân, Phó Thử, Thừa Mục.

- Xã Đồng Hóa:

. Làng Đồng Lạc có Dương Văn Soạn, Dương Văn Sữa, Việt; đốc Sơn, họ Trương

. Làng Yên Lạc có cụ chùm Đọ, họ Chu.

- *Xã Thi Sơn:*

. Làng Phù Thụy có sư Đôn

- *Xã Văn Xá:*

. Làng Điền Xá có Bát Khuếch, họ Dương.

- Xã Nguyễn Úy:

. Làng Phù Lưu Tranh có Điển Tiến; Đội Nghiệp, họ Ngô (sau bị Pháp đầy đi Côn Đảo rồi chết ở đó); Cai Tước, họ Dương; phó Tằng, họ Nguyễn; Đốc Chỏm, họ Phan chuyên trừng trị những kẻ do thám phản bội; Đội Hồng, họ Nguyễn chuyên môn sử dụng bột hồng (đốt một thứ đuốc nhậy lửa và rất sáng)

- *Xá Lưu Xá:*

. Làng Lưu Xá ở chợ Sàng có Đốc Hiểu là anh ruột tri phủ Nguyễn Đình Hòe, sau di cư sang làng An Nhân (Duy Tiên) và là cháu sinh đồ Nguyễn Thời Thực.

- *Xã Tượng Lĩnh:*

. Làng Quang Thừa có Bếp Năm, họ Nguyễn: Tuần Nông (gọi tên con); phó Kiến, Trưng đều là họ Trần...

. Làng Phù Sơn (tức Lưu Giáo) có Cai Đạt làm phó chỉ huy nghĩa quân (Đề Yêm là chánh)

. Làng Phù Đạm có Phạm Phát; Lại Văn Căn; Ba Xây, họ Nguyễn có tài lặn giỏi.

2. Huyện Duy Tiên

- *Xã Hoàng Đông* (có thời kỳ gọi là xã Tiên Lý)

. Làng Hoàng Đạo có Tư Giai, họ Tạ, sau không thấy về làng.

- *Xã Tiên Phong:*

. Làng Dưỡng Thọ có Xuất Giang. Ông đã có lần kéo quân về làng đóng một đêm

TỈNH HÀ ĐÔNG

1. Huyện Mỹ Đức:

. Làng Đục Khê có Phạm Văn Kim, tức giáo Kim, Đội Ngàn, Đội Bình, Lý Đội, Lý Tú, Đinh Văn Tín, Đinh Văn Phê, Vương Văn Trí và Hương Chế, tức Phạm Văn Chơi. Chơi theo nghĩa quân, nhưng sau khi Tuyết Sơn tan, hắn về quê hợp tác với tên phó lý Quế làm tay sai cho giặc Pháp.

. Làng Hội Xá có Cai Để, Đội Dao là bố và Hiệp Hai là chú ruột của tri huyện Nguyễn Mạnh Hướng.

. Làng Phú Yên có Bồi Hanh, họ Nguyễn và nhiều người khác, vì làng này là làng sở tại. Có người mang cả vợ con theo nghĩa quân.

. Làng Phú Duy có Hoàng Công Chín, Hoàng Công Mười.

. Làng Yến Vĩ có Bùi Văn Đỗ, Bùi Văn Độ.

2. Huyện Ứng Hòa

. Làng Phú Dư có Hiệp Cường (còn gọi là Lãnh Cường, Tuấn Cường) và thủ hạ, trong đó có Hương Miện, tức Xếp.

. Làng Hòa Xá có Tuần Thấn, một tướng của Tuyết Sơn.

. Làng Hữu Vĩnh có anh Trọng, Bá Lộc, Thủ Nhằng, Từ Đồ, Phó Thắp, Xuất Thực, Trương Thanh và gánh hát của ông trùm Thỉnh. Bây giờ (1964), Trương Thanh có cháu 4 đời đặt tên các con là Sỉnh, Ná (tức Sắn), Xét, Quề.

. Làng Kim Giang có Lãnh Hồng.

. Làng Vân Đình có nhiều thầy đồ. Trong đó có một vị tục danh là Đồ Cóc.

3. Các huyện khác:

. Ở Xuân La, Chằng Cò (huyện Phú Xuyên) có một tướng và quân (chưa tra được tên. ở Bằng Vôi, còn gọi là chợ Bằng (gần huyện lỵ Thường Tín) có Cò Thanh.

. Ở các nơi khác chưa sưu tầm được thì chưa biết, nhưng ở các vùng Kim Bảng, Duy Tiên (Hà Nam); Mỹ Đức, ứng Hòa, Phú Xuyên (Hà Đông) không mấy làng là là không có người tham gia nghĩa quân Đề Yêm.

. Ngoài 2 tỉnh Hà Nam, Hà Đông, ở Quảng Yên (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) có Đề Vang, một tướng của Tuyết Sơn. Ở thị trấn Phả Lại (tỉnh Hải Dương) cũng có người tham gia.

Trong số những nghĩa quân có tên kể trên đây, đa số người có cấp bậc do tổ chức của nghĩa quân phong cho như: đề đốc, hiệp quản, lãnh binh, đốc biện, xuất đội v.v... Mỗi vị đều có đem một số người gia nhập nghĩa quân. Quản lại có một chính, mấy phụ. Bởi vậy, tổng số quân Đề Yêm trong căn cứ địa Tuyết Sơn khá nhiều (ở làng Phú Yên có

người ước số quân đến trên 300 người). Trong bài vè dân gian sưu tầm được đã viết:

... Xuống thuyền quân đã đông ghê

... Những quân bên Bắc kéo sang rì rì.

Cụ Trương Kếu, 89 tuổi (1964) ở làng Thụy Sơn cho biết: lúc nghĩa quân kéo về núi Nguỳa, thuyền như lá tre, quân số đông đến mấy trăm người.

Khi vụ Tuyết Sơn tan, người làng Phú Yên tránh quân Pháp nên chạy lên núi trông xuống thung doanh trại có nhiều nhà cửa, trâu bò, nồi đồng, xanh đồng bỏ lại ngổn ngang.

KẾT LUẬN

Từ giữa thế kỷ 19, thực dân Pháp đánh chiếm nước ta, quá trình xâm chiếm và thống trị của chúng là quá trình nhân dân ta nổi dậy đấu tranh bất khuất.

Nói riêng về tỉnh Hà Nam, bọn chúng phải thú nhận rằng: sau 10 năm mới chiếm cứ được thị xã Phủ Lý, tức là năm 1883 chúng mới bình định được xứ này. Thế mà liền năm 1884, chúng đã phải đương đầu với phong trào nổi dậy của nhân dân Hà Nam (các huyện Thanh Liêm, Bình Lục) do Lãnh Tràng, tức Đinh Công Tráng lãnh đạo[1] và

---

[1] Theo tập *Dư địa chí tỉnh Phủ Lý* của thực dân Pháp viết ngày 27/12/1932 (lưu lại Cục lưu trữ Trung ương số 54.751), thì tháng 12/1873 tên Balny Avrincourt chỉ huy pháo thuyền (Espingole) xâm chiếm Phủ Lý. Kể từ năm 1883, thực dân Pháp mới bình định được vùng Hà Nam. Tuy vậy, năm 1884, Đinh Công Tráng, tức Cai Tràng (tên gọi theo làng là Nham Tràng, thuộc huyện Thanh Liêm)nổi dậy chống Pháp và mưu đồ đánh chiếm Kẻ Sở, nơi trung tâm công giáo.
Nguyên văn tiếng Pháp như sau:
En Décembre 1873, Balny d' Avrincourt, commandant de "L'Espringole" s'empara de Phủ Lý... Apartir de 1883, le pays est pacifié... e' est ainsi qu'en 1884, le nommé Đinh Công Tráng dit Cai Tràng (du nom de son village Nham Chàng,

nhiều cuộc khởi nghĩa khác của nhân dân trong tỉnh. Trong số đó có vụ nghĩa quân Tuyết Sơn do Đề Yêm lãnh đạo. Địch phải tập trung lực lượng, đem cả tàu chiến đi đánh dẹp[1] rất vất vả. Không những thế, ngoài địa điểm chính là tỉnh lỵ ra chúng còn phải đóng nhiều đồn trại để án ngữ như: Do Lễ, Quang Thừa (huyện Kim Bảng); Như Trác (huyện Lý Nhân); Thành Thị (huyện Bình Lục); Vũ Xá (huyện Thanh Liêm).... Tuy vậy, nhân dân ta vẫn không chịu khuất phục chúng. Với hai bàn tay trắng và chí căm thù, đồng bào đã dũng cảm đứng lên cướp đồn giặc như nhân dân Kim Bảng đánh đồn Quang Thừa, do ông Hàm[2] và Đinh Hữu Tài chỉ huy.

Về thủ lĩnh Đề Yêm và nghĩa quân Tuyết Sơn, chúng tôi đã cố gắng sưu tầm, nghiên cứu,

---

district de Thanh Liêm) serévolte con tre les Franχais et forme le proet de s'emparer du centre catholique de Kẻ Sở...".

[1] Xem phần Những di vật tài liệu hiện còn của sách này

[2] Cũng theo tài liệu nói trên viết: "Năm 1884, tên tướng giặc Hàm đánh đến Quang Thừa, huyện Kim Bảng. Hắn bị đánh lui, nhưng đã gây ra những tổn thất nghiêm trọng cho quân đội đóng ở các đồn nhỏ này"

Nguyên văn tiếng Pháp như sau:

En 1894, le chef pirate Hàm attaque le poste Quang Thừa dans de district de Kim Bảng. ll esr repousse' après avoir cependant infligé des pertes sérieuses aux troupes de ce petit poste

thu được một số kết quả bước đầu như đã trình bày ở trên. Một điều khá rõ là Đề Yêm đã kế tục sự nghiệp của Nguyễn Thiện Thuật, tức Tán Thuật, sau khi ông sang Trung Quốc. Đến đó, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy cũng chưa phải kết thúc. Đề Yêm đã cùng nhiều tướng cũ của Bãi Sậy như Đề Vang, Tú Lý, Tác Vi, Tác Hoắm và nhiều nghĩa quân khác chuyển vùng hoạt động từ Bãi Sậy (Hưng Yên), Bắc Ninh, Hải Dương sang vùng Hà Nam, Hà Đông, Đề Yêm và nghĩa quân đã tìm được nơi hiểm yếu để lập căn cứ và để kéo dài thêm cuộc đấu tranh với thực dân Pháp hơn một năm trường[1], khiến cho chúng phải vất vả lao đao, không rảnh

---

[1] Chúng tôi căn cứ vào:

a) Bài vè dân gian đã dẫn ở trên, tài liệu của Pháp và quan lại Nam Triều (lính khố xanh Đông Dương), giấy khen của Quản đạo và Phó sứ Mỹ Đức tặng cho Nguyễn Văn Thiều, người giúp chúng đắc lực.

b) Ngày Đề Yêm kéo quân về làng Yên Lạc 16/6 (âm lịch) năm 1889; ngày giỗ của những kẻ ở Đồng Lạc làm tay sai cho giặc Pháp bị nghĩa quân Đề Yêm giết; ngày nghĩa quân tan vào khoảng tháng 3 (âm lịch) năm Canh Dần 1890, lúc đó trên cánh đồng đã có mía bói.

c) Tuổi của bà Tuyết ở làng Phú Duy, xã An Tiến (Mỹ Đức). Bố mẹ bà sau vụ Tuyết Sơn tan sợ Tây về khủng bố đã chạy lên núi và đẻ bà ở đó nên đặt tên là Tuyết để ghi nhớ.

tay bòn rút sức lao động và của cải, tài nguyên phong phú của nước ta.

Vì hạn chế của điều kiện lịch sử nên nghĩa quân và thủ lĩnh Đề Yêm chưa có được chủ trương, đường lối kháng chiến đúng đắn để đảm bảo cho chiến thắng cuối cùng, nhưng cuộc khởi nghĩa đã chứng minh rằng, nhân dân ta với truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm thời nào cũng có và địa phương nào cũng có.

Trước khi dừng bút, chúng tôi xin rất hoan nghênh và cảm ơn Đảng ủy, chính quyền các xã Đồng Hóa (huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam), Hương Sơn (huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông) đã nhiệt tình tổ chức các cuộc họp để trao đổi về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Tuyết Sơn và lãnh tụ Đề Yêm tại các thôn Đồng Lạc (14/8/1964), Đục Khê (4/9/1964). Trong các cuộc họp này, chúng tôi rất cảm động trước nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo và của nhiều bà con địa phương, nhất là các cụ lão ông, lão bà đã đóng góp, cung cấp cho chúng tôi nhiều mẩu chuyện, tư liệu quý báu về

diễn biến và những chiến công quan trọng của nghĩa quân Tuyết Sơn và thủ lĩnh Đề Yêm.

Viết xong tại xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
Tháng 1 - 1965
TRỌNG VĂN.

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN QUỐC HÙNG
Biên tập: NGUYỄN ĐÌNH LỢI
Trình bày: HÀ NGUYỄN
Sửa bản in: THU HẰNG

In 500 cuốn, khổ 13x19 tại Xưởng in NXB Thế Giới
Số xuất bản 374 cấp ngày 29/8/2003.
In xong nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2003